

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này một (01) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

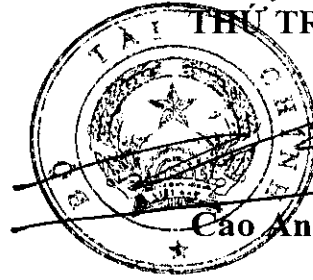
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng cục Thuế thực hiện việc đăng tải và cập nhật dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *bl*

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (P.CCHC);
- Website BTC;
- Website Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCT(VT, P.CCHC (3)). *10*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



CAO ANH TUAN
Cao Anh Tuấn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2111.../QĐ-BTC ngày 19 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.0070 37	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư	Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.	Thuế	Cục Thuế

Ghi chú:

TTHC nêu trên sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 90, Mục II, Phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế (NNT) thuộc trường hợp và đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề nghị hoàn và gửi đến cơ quan thuế.

Trường hợp NNT gửi hồ sơ qua giao dịch điện tử: NNT truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm: Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (sau đây gọi là Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai hồ sơ hoàn thuế và các phụ lục đính kèm theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: công chức thuế kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: công chức thuế đề nghị NNT hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ: công chức thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (sau đây gọi là Thông tư số 80/2021/TT-BTC) cho NNT và ghi sổ nhận hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận/không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ không thuộc đối tượng được hoàn thuế: Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ và ghi sổ hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận/không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ không đúng thủ tục: Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc hồ sơ không đúng thủ tục theo mẫu số 03/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ không thuộc đối tượng được hoàn thuế: Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ hoàn thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận/không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC đến Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử.

++++ Hồ sơ không thuộc diện được hoàn thuế: Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC đến Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa

chọn lập và gửi hồ sơ (Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử.

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Bước 3. Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đối với các hồ sơ được chấp nhận giải quyết:

++ Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra hồ sơ của NNT tại trụ sở cơ quan thuế để xác định đối tượng và trường hợp được hoàn thuế.

+++ Trường hợp hồ sơ thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế: Cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế cho NNT và ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT không còn tiền thuế nợ; hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT còn nợ tiền thuế nợ hoặc NNT đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của NNT khác; hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

+++ Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định hồ sơ thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế: Cơ quan thuế lập Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi NNT trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT; trường hợp NNT thực

hiện hoàn thuế điện tử, Thông báo được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo, NNT có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan thuế.

++++ Nếu NNT có văn bản giải trình, bổ sung chứng minh được số thuế đã khai là đúng: Cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế cho NNT và ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT không còn tiền thuế nợ; hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT còn nợ tiền thuế nợ hoặc NNT đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của NNT khác; hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

++++ Nếu hết thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế nhưng NNT không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế; hoặc có văn bản giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng: Cơ quan thuế chuyển hồ sơ hoàn thuế sang diện kiểm tra trước hoàn thuế và gửi Thông báo về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước hoàn thuế theo mẫu số 05/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho NNT trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận hồ sơ hoàn thuế.

++ Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra hồ sơ của NNT tại trụ sở của NNT hoặc trụ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan thuế thực hiện giải quyết hoàn thuế cho NNT và ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm

theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT không còn tiền thuế nợ; hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong trường hợp NNT còn nợ tiền thuế nợ hoặc NNT đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của NNT khác; hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT (nếu có) ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại cơ quan thuế;
- + Hoặc gửi qua đường bưu chính;
- + Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T - VAN.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + *Thành phần hồ sơ, gồm:*
 - ++ Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC;
 - ++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư đối với trường hợp phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
 - ++ Đối với dự án có công trình xây dựng: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; giấy phép xây dựng;
 - ++ Bản sao Chứng từ góp vốn điều lệ;
 - ++ *Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh*

doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ: Bản sao một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

++ Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, Quyết định giao quản lý dự án đầu tư của chủ dự án đầu tư, Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh hoặc Ban quản lý dự án đầu tư (nếu chi nhánh, Ban quản lý dự án thực hiện hoàn thuế).

Đối với NNT chưa gửi hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế thì NNT phải nộp thêm: Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

Cơ quan Thuế giải quyết và trả kết quả trong thời hạn theo quy định:

+ Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ;

+ Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT và Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ

theo mẫu số 01/PL-BT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu đề nghị hoàn:**

+ Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/HT.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan quản lý thuế thực hiện hoàn thuế đối với NNT thuộc trường hợp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp NNT lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định và điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội;

+ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

+ *Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế*

giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP;

+ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;*

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm

1. 01.HT.docx

3. 01-1.HT.doc

Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Cộng theo mã số thuế, cơ quan quản lý thu, nội dung kinh tế							
Tổng cộng							

2.2. Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

- Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....
Tài khoản số: Tại Ngân
hàng (KBNN).....
- Tiền mặt:
Tên người nhận tiền:.....
CMND/CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:/...../.....
Nơi cấp:
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.
2.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- “Trường hợp đề nghị hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- “Ghi chú” tại mục bù trừ: Ghi rõ phải nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra tài chính, Thanh tra chính phủ, cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có);

Mẫu số: 01-1/HT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng ... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ..... đến kỳ.....

[02] Tên người nộp thuế:

.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu

có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ nộp thuế				Tên người bán	Mã số thuế người bán	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế GTGT	Thuế suất (%)	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
	Mẫu số	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng														

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và

tên:.....

Chứng chỉ hành nghề

số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)